



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

QUỸ ĐẦU TƯ TRIỂN VƯỢNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 06
- Báo cáo kết quả hoạt động	07 - 07
- Báo cáo Tài sản	08 - 08
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	09 - 09
- Báo cáo danh mục đầu tư	10 - 10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 22

ĐƯỢC
CHỌN
HỖ
CHỖ
TẮM
PH
/ /

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Quỹ Đầu tư”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019.

I. QUỸ ĐẦU TƯ TRIỂN VƯỢNG VIỆT NAM

1. Khái quát về Quỹ

Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo hình thức quỹ đại chúng đóng và đã được Ủy Ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận trong thông báo số 60/TB-UBCK ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng thành lập quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam.

Trụ sở chính của Quỹ Đầu tư tại Tầng 5, tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh, đầu tư

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính và duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, có khả năng đem lại lợi nhuận hoặc lãi trên vốn cao nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro; Các hình thức đầu tư của Quỹ bao gồm đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp... Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ nhắm đến là trong quá trình đầu tư là làm gia tăng các khoản đầu tư thông qua giúp cho các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính và quản trị doanh nghiệp năng cao năng lực cạnh tranh đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư và lợi ích cho Quỹ.

3. Công ty quản lý và Ngân hàng lưu ký

Công ty quản lý Quỹ là Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng; Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng Thương mại CP Tiên Phong (TP. Bank)

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Đại diện quỹ

Bà	Lan, Wan - Chen	Chủ tịch
Ông	Chang, Kuo - Chiun	Ủy Viên
Ông	Ho, Feng Tao	Ủy Viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Ho, Feng Tao	Tổng Giám đốc
-----	--------------	---------------

Kế toán trưởng

Bà	Nguyễn Hải Linh
----	-----------------

Theo danh sách trên, không ai trong Ban Đại diện Quỹ sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Quỹ để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

1729-C
GTY
HỮU H
TU VÀ
KẾ TO
TOÁN
NAM
HỒ CH



BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Quỹ Đầu tư Triển Vượng và cho Công ty quản lý quỹ.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Đại diện Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Đại diện xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Quỹ tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Đại diện Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Đại diện Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Đại diện Quỹ cam kết rằng Quỹ không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019.

Duyệt, ngày 17 tháng 3 năm 2020

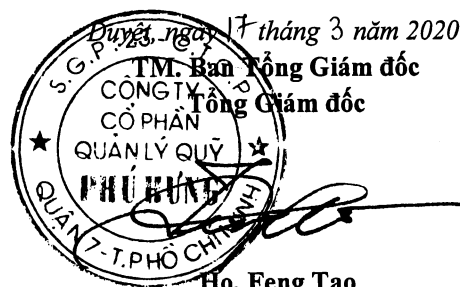
TM. Ban Đại diện
Chủ tịch



Lan, Wan - Chen

Duyệt, ngày 17 tháng 3 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



PHÚ HƯNG
Ho, Feng Tao

Số : 71 /BCKT/TC/2020/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các thành viên góp vốn, Ban Đại diện**
của QUỸ ĐẦU TƯ TRIỂN VƯỢNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam, được lập ngày 07/01/2020, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tài sản, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, Báo cáo danh mục đầu tư cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Đại diện

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Đại diện Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư có còn sai sót trọng yếu hay

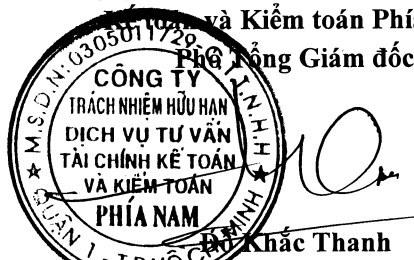
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ Đầu tư liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Đại diện Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 17 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
và Kiểm toán Phía Nam

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyên Thúy Mai

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0848-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN				
Tiền gửi ngân hàng	110		527.866.705	225.688.184
Đầu tư chứng khoán	120		28.128.580.000	28.128.580.000
Đầu tư khác	121		21.391.420.000	21.391.420.000
Phải thu hoạt động đầu tư	130		1.161.202	214.246.576
Phải thu khác	131		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			50.049.027.907	49.959.934.760
B. NGUỒN VỐN				
I. NỢ PHẢI TRẢ			217.145.281	132.333.751
Vay ngắn hạn	310		-	-
Phải trả hoạt động đầu tư	311		-	-
Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	312		-	-
Phải trả phụ cấp cho ban đại diện quỹ	314		-	-
Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng	315		185.645.281	100.833.751
Phải trả khác	318		31.500.000	31.500.000
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU			49.831.882.626	49.827.601.009
Vốn góp	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn góp	412		-	-
Kết quả hoạt động chưa phân phối	420		(168.117.374)	(172.398.991)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		50.049.027.907	49.959.934.760

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

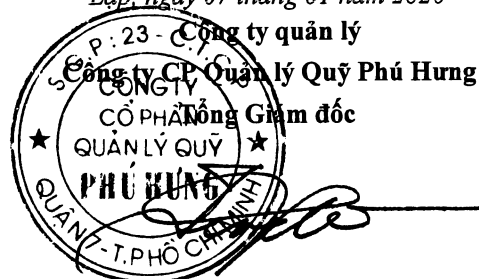


Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



Ho, Feng Tao

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A. XÁC ĐỊNH KQHĐ ĐÃ THỰC HIỆN			-	-
I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện	10		424.928.217	425.911.474
Lãi trái phiếu nhận được	12		423.832.435	425.000.000
Lãi tiền gửi	13		1.095.782	911.474
Thu nhập khác	18		-	-
II. Chi phí	30		420.646.600	397.347.587
Phí quản lý quỹ	31		249.215.589	249.157.212
Phí lưu ký tài sản quỹ	32		60.000.000	38.022.375
Chi phí kiểm toán	34		30.000.000	30.000.000
Chi phí tư vấn định giá	35		79.200.000	79.200.000
Phí và chi phí khác	38		2.231.011	968.000
III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ	50		4.281.617	28.563.887
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN			-	-
I. Thu nhập	60			
Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61		-	-
Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	62		-	-
II. Chi phí	70			
Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71		-	-
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	72		-	-
III. Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ	80			
C. Lợi nhuận /Lỗ trong năm	90		4.281.617	28.563.887

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

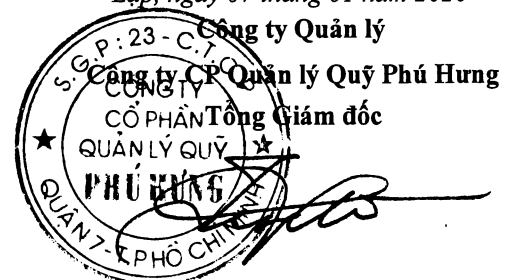


Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



Ho, Feng Tao

BÁO CÁO TÀI SẢN

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền	1		527.866.705	225.688.184
Tiền gửi ngân hàng	1.1		527.866.705	225.688.184
Các khoản Đầu tư	2		49.520.000.000	49.520.000.000
Trái phiếu	2.1		5.000.000.000	5.000.000.000
Cổ phiếu	2.2		28.128.580.000	28.128.580.000
Cổ phiếu niêm yết	2.3		-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.4		28.128.580.000	28.128.580.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.8		16.391.420.000	16.391.420.000
Cổ tức nhận được	3		-	-
Lãi được nhận	4		-	-
Phải thu bán chứng khoán	5		-	-
Các khoản phải thu khác	6		1.161.202	214.246.576
Tổng Tài sản			50.049.027.907	49.959.934.760
Phải trả giao dịch chứng khoán	7		-	-
Phải trả khác	8		217.145.281	132.333.751
Tổng nợ			217.145.281	132.333.751
Tài sản ròng của quỹ			49.831.882.626	49.827.601.009
Tổng số đơn vị quỹ	9		5.000.000	5.000.000
Giá trị tài sản ròng	10		9.966	9.966

Lập ngày 07 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

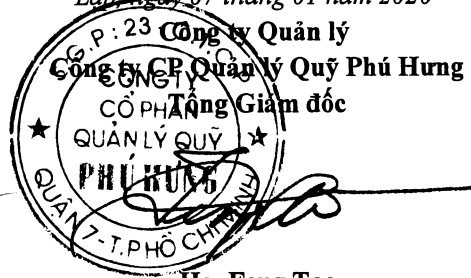


Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



Ho, Feng Tao

Ngân hàng lưu ký
Ngân hàng Thương mại CP Tiên Phong



PHÒNG QUẢN LÝ QUỸ
KHỐI ĐẦU TƯ VÀ KHDN LỚN
Đỗ Phương Hà

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Giá trị tài sản ròng đầu năm	I		49.827.601.009	49.799.037.122
Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	II		4.281.617	28.563.887
Trong đó:				
Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động đầu tư của Quỹ trong năm	1		4.281.617	28.563.887
Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong năm	2		-	-
Giá trị tài sản ròng cuối năm	III		49.831.882.626	49.827.601.009

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020

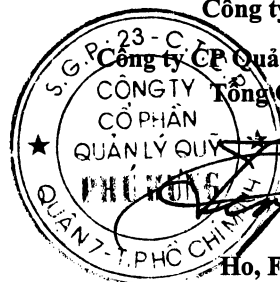
Công ty Quản lý

Người lập biểu

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Linh



Tổng Giám đốc

Ho, Feng Tao

Ngân hàng lưu ký
Ngân hàng Thương mại CP Tiên Phong



TRƯỞNG PHÒNG NGÂN HÀNG LƯU KÝ
KHỐI ĐẦU TƯ VÀ KHDN LỚN
Đỗ Phương Hà

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Số lượng	Đơn giá thị trường tại ngày 31/12/2019	Tổng giá trị	Tỷ lệ(%)/ trên tổng giá trị TS
I	Cổ Phiếu niêm yết	-	-	-	-
II	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.812.858		28.128.580.000	56.202%
	Công ty CP Bảo hiểm Phú Hưng	2.812.858	10.000	28.128.580.000	
III	Trái phiếu	5		5.000.000.000	9.990%
	Trái phiếu công ty TNHH tư vấn Đầu tư Phú Lập	5	1.000.000.000	5.000.000.000	
IV	Các tài sản khác	-		1.161.202	0.002%
	Cổ tức nhận được				
	Lãi phải thu				
	Phải thu bán chứng khoán				
	Phải thu khác		1.161.202	1.161.202	
V	Đầu tư khác			16.391.420.000	32.751%
	Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái		16.391.420.000	16.391.420.000	
V	Tiền			527.866.705	1.035%
	Tiền gửi ngân hàng			527.866.705	
Tổng cộng				50.049.027.907	100%

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Công ty Quản lý

Công ty Quản lý Quỹ Phú Hưng

Người lập biểu

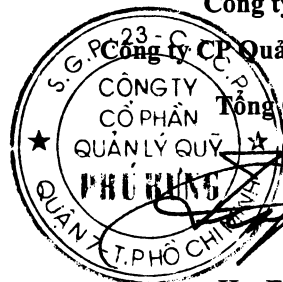


Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



Tổng Giám đốc



Ho, Feng Tao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

1. Khái quát về Quỹ đầu tư triển Vượng

Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo hình thức quỹ đại chúng đóng và đã được Ủy Ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận trong thông báo số 60/TB-UBCK ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng thành lập quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam.

Trụ sở chính của Quỹ Đầu tư tại Tầng 5, tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM.

2 Lĩnh vực kinh doanh, đầu tư

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính và duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, có khả năng đem lại lợi nhuận hoặc lãi trên vốn cao nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro; Các hình thức đầu tư của Quỹ bao gồm đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp... Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ nhắm đến là trong quá trình đầu tư là làm gia tăng các khoản đầu tư thông qua giúp cho các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính và quản trị doanh nghiệp năng cao năng lực cạnh tranh đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư và lợi ích cho Quỹ.

3. Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng Quản lý và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Tiên Phong (TP BANK) lưu ký tài sản Quỹ.

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Chế độ kế toán

Quỹ áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán đối với Quỹ đầu tư chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan.

Theo Quyết định này Báo cáo tài chính của quỹ bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động
- Báo cáo Tài sản
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
- Báo cáo danh mục đầu tư
- Thuyết minh báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán năm đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/04/2016.

Niên độ kế toán của Quỹ các năm tiếp theo bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

5. Tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Quỹ tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam;

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định Quỹ đánh giá lại số dư ngoại tệ theo tỷ giá thực tế tại thời điểm lập báo cáo.

6. Đầu tư chứng khoán

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Cổ phiếu, trái phiếu chưa niêm yết ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán do Quỹ đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Quỹ đầu tư phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí đầu tư trong kỳ. Việc đánh giá và trích lập dự phòng được thực hiện vào thời điểm lập báo cáo tài chính.

8. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

Khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các công ty này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào thu nhập từ hoạt động đầu tư trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác : khoản tổn thất do các công ty liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí đầu tư trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Quý Đầu tư.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Quý đầu tư.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Theo quy định hiện hành Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế TNDN; Tuy nhiên theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong hoặc ngoài nước, Quỹ cần phải giữ lại 25% lợi nhuận phân phối (ngoại trừ lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế TNDN ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật), kê khai và nộp thuế thay cho nhà đầu tư.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

15. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

16. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Chế độ kế toán đối với Quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		
- Tiền gửi ngân hàng	527.866.705	225.688.184
+ Tiền gửi (VND)	527.866.705	225.688.184
Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong	527.866.705	225.688.184
+ Tiền gửi (USD)	-	-
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
+ Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Cộng	527.866.705	225.688.184

1729.
IG TY
EM HUU I
TU V
KẾ T
M TOÁ
NAM
HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	(Lỗ)/Lãi do đánh giá lại	Giá thị trường tại ngày 31/12/2019	Giá trị gốc	(Lỗ)/Lãi do đánh giá lại	Giá thị trường tại ngày 31/12/2018
- Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết	28.128.580.000	-	28.128.580.000	28.128.580.000	-	28.128.580.000
- Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Cộng	28.128.580.000	-	28.128.580.000	28.128.580.000	-	28.128.580.000

Ghi chú:

+ Giá trị gốc của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết so với Giá thị trường tại ngày lập BCTC không thay đổi.

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>a. Đầu tư vào công ty con</i>	-	-	-	-	-	-
<i>b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	-	-	-	-	-	-
<i>c. Đầu tư vào các đơn vị khác</i>	-	-	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái	16.391.420.000	-	16.391.420.000	16.391.420.000	-	16.391.420.000
Trái phiếu Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Cộng	21.391.420.000	-	21.391.420.000	21.391.420.000	-	21.391.420.000

Ghi chú:

- Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái chưa được đánh giá do Quỹ chưa nhận được báo cáo tài chính năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

3 3.1. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà đầu tư	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Thế Vượng	25.500.000.000	25.500.000.000
Công ty TNHH Phát Triển Thế Vũ	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

3.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

3.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng chứng chỉ quỹ	5.000.000	5.000.000
- Số lượng chứng chỉ quỹ đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Số lượng chứng chỉ quỹ đã mua lại	-	-
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

3.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

4. Kết Quả hoạt động chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	(172.398.991)	(200.962.878)
Lãi/(Lỗ) trong năm	4.281.617	28.563.887
Số dư cuối năm	(168.117.374)	(172.398.991)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

IV . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
- 3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Quản lý Quỹ Phú Hưng	Công ty quản lý
Ngân hàng CP Thương mại Tiên Phong	Ngân hàng lưu ký

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Quỹ với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay
Công ty Cp Quản lý Quỹ Phú Hưng	Phí quản lý	249.215.589
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TP BANK)	Phí lưu ký tài sản quỹ	60.000.000

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cp Quản lý Quỹ Phú Hưng	Phí quản lý	125.645.281	62.811.376
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TP BANK)	Phí lưu ký tài sản quỹ	60.000.000	38.022.375

117:
NG T
HỆM H
U TU
I KẾ
M T
NA
HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

4. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Quý bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Quý. Quý có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quý.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Quý đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Quý xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

a. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Quý quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quý không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

b. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Quý quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của Quý cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quý sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Quý khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Quý đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Quý:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.
- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

4.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Quỹ giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Quỹ theo chính sách của Công ty. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Quỹ đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Quỹ quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	185.645.281	-	-	185.645.281
Các khoản phải trả khác	31.500.000	-	-	31.500.000
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	100.833.751	-	-	100.833.751
Các khoản phải trả khác	31.500.000	-	-	31.500.000

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

5. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính	50.047.866.705	49.745.688.184	50.047.866.705	49.745.688.184
Tiền và các khoản tương đương tiền	527.866.705	225.688.184	527.866.705	225.688.184
Các khoản Đầu tư	49.520.000.000	49.520.000.000	49.520.000.000	49.520.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	28.128.580.000	28.128.580.000	28.128.580.000	28.128.580.000
Trái phiếu	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư khác	16.391.420.000	16.391.420.000	16.391.420.000	16.391.420.000
Nợ phải trả tài chính	217.145.281	132.333.751	217.145.281	132.333.751
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	-	-	-	-
Chi phí phải trả	185.645.281	100.833.751	185.645.281	100.833.751
Các khoản phải trả khác	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại cuối niên độ kế toán cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

01172
 ĐÔNG T
 NIỆM H
 VỤ T
 HÌNH K
 KIỂM T
 PHIA N
 T.P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

6. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản (*)	%	11.05%	10.89%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (*)	%	88.95%	89.11%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	0%	0.26%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	99.57%	99.74%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	2.43	1.71
Khả năng thanh toán nhanh	lần	25.46	41.11
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	230.49	377.53

Ghi Chú:

(*) : Chỉ tiêu đầu kỳ về cơ cấu tài sản được điều chỉnh lại do phân loại lại giữa tài sản ngắn và dài hạn (đầu kỳ tài sản ngắn hạn/tổng tài sản là : 57.18%, nay được điều chỉnh là: 10.89%, còn tài sản dài hạn năm trước là: 42.82%, nay được điều chỉnh là: 89.11%).

7. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Quỹ không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



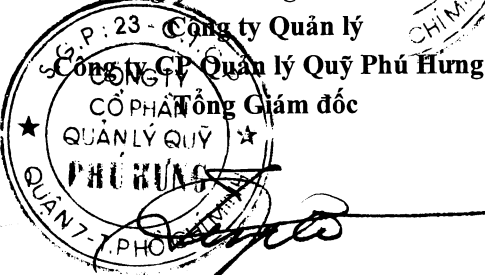
Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh

Lập ngày 07 tháng 01 năm 2020



Ho, Feng Tao